TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI D□ƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HSST
Ngày: 25/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quy

Ông Ngô Văn Minh

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Triệu Thị Loan, cán bộ Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Bùi Thị Nhuần, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số 04/2019/HSST ngày 19 tháng 2 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Vũ Thành C, sinh năm 1993 tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 82 T, Khu T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Con ông Vũ Mạnh T (Đã chết) và con bà Trần Thị T, sinh năm 1965; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/10/2018 đến ngày 30/10/2018 chuyển tạm giam đến nay tại trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Đồng Văn P, sinh năm 1994 tại xã N– huyện K – tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn); 9/12; Con ông Đồng Văn B, sinh năm 1949 và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Là con duy nhất trong nhà; Tiền án tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/10/2018, ngày 30/10/2018 chuyển tạm giam đến nay tại trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

* Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; Trú tại: Khu Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Chị Tiêu Thị T, sinh năm 1996; Trú tại: Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; Trú tại: P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

4. Anh Phạm Văn L, sinh năm 1980; Trú tại: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Đều vắng mặt).

* Người có quyền lợi liên quan:

Anh Bùi Xuân H1 (Tên gọi khác: T), sinh năm 1983; Trú tại: 8/135 H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng.(Vắng mặt).

* Những người tham gia tố tụng khác.

Người làm chứng:

1. Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1964; Trú tại: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; Trú tại: Khu Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1971; Trú tại: Khu Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 25/10/2018, sau khi chơi điện tử tại quán Internet ở xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương, Vũ Thành C đi bộ lang thang mục đích xem ai sơ hở thì trộm cắp tài sản đem bán để lấy tiền ăn tiêu. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, C phát hiện thấy tại hiên cửa nhà anh Nguyễn Văn T ở P, xã K, huyện K dựng 02 xe mô tô không có người trông giữ, C đi đến chiếc xe nhãn hiệu Yamaha loại xe Exciter biển số 34B1-981.55 thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện (Chiếc xe này của anh Trần Văn L là em vợ anh T hiện đang đi xuất khẩu lao động giao cho anh T quản lý, sử dụng). C đã mở khóa điện rồi điều khiển đi ra ngoài đường. Lúc này, anh T ở trong nhà phát hiện nên đã điều khiển xe mô tô còn lại đuổi theo. Khi đến cây xăng xã K thuộc thôn P– xã K thấy ông Đỗ Văn T đang đứng trước cửa nhà, anh T hô "*Chú T ơi, nó trộm xe của cháu*". Sau đó anh T vượt xe chặn ở đầu xe C, C bỏ chạy thì anh T cùng ông T đuổi kịp bắt giữ được C và báo lực lượng Công an xã K đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý xe 34B1-981.55 và chiếc vam phá khóa C đem theo.

Tại Bản kết luận định giá số 30/KL-HĐĐG ngày 26/10/2018 Hội đồng định giá huyện Kim Thành kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại xe Exciter biển số 34B1-981.55 trị giá 17.000.000 đồng.

Ngày 16/11/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho anh T.

Quá trình điều tra còn xác định rõ trước đó C còn một mình thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản và 01 lần trộm cắp tài sản cùng P. Cụ thể:

- Khoảng 9 giờ ngày 15/8/2018, Vũ Thành C đi xe buýt từ thị trấn Pb – huyện K đến ga Phạm Xá thuộc xã Tuấn Hưng – Kim Thành, sau đó đi bộ lang thang mục đích thấy ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp đem bán lấy tiền ăn tiêu. Đến khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, C phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu

Wavers, biển số 34N9-6141 của chị Tiêu Thị T ở thôn A– xã T dựng ở vỉa hè, khu vực trước cửa hàng bán vật liệu xây dựng của gia đình chị T không có người trông giữ, chìa khóa vẫn cắm ở khóa điện. C đi đến dắt chiếc xe mô tô trên xuống đường và nổ máy đi lên thành phố Hải Dương để tìm chỗ bán xe. Trên đường đi C tháo biển số vứt đi. Đến 9 giờ ngày 16/8/2018, do không bán được xe nên C điều khiển xe trộm cắp được đi về thị trấn P. Khi đi đến ga P, C gặp anh Trần Văn Q (Là bạn của C) trú tại thôn B – xã T, C đã hỏi vay anh Q 2.000.000 đồng và để lại xe làm tin, anh Q đồng ý. Sáng ngày 17/9/2018, C nhận được điện thoại của 1 người đàn ông giới thiệu là D (Không rõ địa chỉ cụ thể), yêu cầu C trả lại chiếc xe cho chị T, C sợ phát hiện nên đã đến nhà anh Q trả tiền và lấy lại xe và tự đem đến dựng ở trước cửa hàng bán vật liệu của gia đình chị T.

Chị T đã giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Thành 01 xe mô tô cùng giấy đăng ký xe trong quá trình điều tra.

Tại Bản kết luận định giá số 44/KL-HĐĐG ngày 14/12/2018 Hội đồng định giá huyện Kim Thành kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wavers, biển số 34N9-6141 trị giá 5.000.000 đồng.

Ngày 20/12/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T xe và giấy tờ trên.

- Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 26/9/2018, sau khi chơi điện tử tại quán Internet ở khu Đ– thị trấn P– K, C hỏi Nguyễn Duy N sinh năm 1992 ở thôn P – xã K – huyện K – Hải Dương đang cùng chơi điện tử ở đó: "*mày có xe không, chở tao về*". N đi bộ ra ngoài và bảo C đi cùng (Theo C khai), sau đó N và C phát hiện thấy nhà chị Nguyễn Thị L ở Khu Đcổng mở, trong sân dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave RSX biển số 99E1-086.70 chìa khóa vẫn cắm ở ổ, quan sát không có ai, N bảo C vào trộm cắp còn N đứng bên ngoài cảnh giới, C vào dắt xe ra cổng, nổ máy chở N đến nhà người quen của N ở xã H – huyện K – Hải Dương, N ở lại chơi còn C đi chiếc xe trộm cắp được của chị L đến Thành phố Hải Phòng để bán lấy tiền tiêu. Sau khi phát hiện bị mất xe, gia đình chị L đã trình báo công an huyện Kim Thành và nhờ anh Trịnh Văn Lợi ở cùng thôn tìm giúp. Khoảng 12 giờ cùng ngày, C đang ở Hải Phòng chưa bán được xe thì ông L gọi điện thoại cho C hỏi " *Có phải mày lấy xe máy ở thị trấn sáng nay không, mang trả họ, đó là cháu tao"* (Do buổi sáng cùng ngày, khi đi mua đồ ăn sáng, ông L nhìn thấy C điều khiển chiếc xe mô tô chở N có đặc điểm giống chiếc xe L bị trộm cắp). Sau khi nghe điện thoại của ông L, C điều khiển chiếc xe trên về xã H– huyện K đón N rồi chở N đến nhà ông L, và giao lại chiếc xe cho ông L để ông L trả cho gia đình chị L.

Ngày 28/9/2010 Chị L đã giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Kim Thành 01 xe Biển số 99E1-086.70 và đăng ký xe.

Tại Bản kết luận định giá số 43/KL-HĐĐG ngày 14/12/2018 Hội đồng định giá huyện Kim Thành kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave RSX biển số 99E1-086.70 trị giá 6.900.000 đồng.

Ngày 17/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị L xe và giấy tờ trên.

- Khoảng 6 giờ 30 phút ngày 22/10/2018, Vũ Thành C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, biển số 34B2-439.96 (C mượn xe của anh Trần Như H ở thôn P, xã K, huyện K làm phương tiện đi lại) đến nhà Đồng Văn P mục đích là rủ P đi xem ai có tài sản sơ hở thì bán lấy tiền ăn tiêu, P đồng ý. Đến 7 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn đường giáp cánh đồng thôn T– xã K – huyện K, C và P phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 34N3-2123 của anh Phạm Văn L ở thôn T – huyện K đang dựng ở rìa đường không có người trông giữ, C nói với P là trộm cắp chiếc xe mô tô trên. P chở C đi qua vị trí chiếc mô tô của anh L, khoảng 10 m thì quay lại cách khoảng 50 m thì dừng xe, P cảnh giới, C đi đến gần xe thấy xe không khóa cổ, khóa càng nên dùng vam phá khóa bằng kim loại của C đem theo phá ổ khóa điện của xe và cho xe nổ máy đi ra Quốc lộ 5A về hướng thành phố Hải Phòng, P đi sau. Trên đường đi, C và P dừng xe, C dùng vam phá khóa mở khóa cốp xe vừa trộm cắp được kiểm tra thấy bên trong có 01 ví da đựng giấy đăng ký xe mô tô biển số 34 N3-2123 và thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Văn L. C đưa giấy đăng ký xe cho P, còn ví da bên trong có thẻ căn cước C vứt ở rìa đường. Lúc đó C và P bàn bạc với nhau đem chiếc xe trộm cắp được đến thành phố Hải Phòng để bán. P điều khiển xe vừa trộm cắp được, còn C điều khiển xe máy mượn của anh H đến quán Internet Game giải trí 24H ở xã A – huyện A– Hải Phòng chơi điện tử. Tại đây, P gặp anh Bùi Xuân H1 (Tên gọi khác: T) là người quản lý quán P hỏi vay anh H1 5.000.000 đồng và nói để lại xe và đăng ký xe để làm tin thì anh H1 đồng ý. P cầm tiền cùng C ăn tiêu hết 2.000.000 đồng, số còn lại C và P chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi Vũ Thành C bị bắt quả tang về hành vi trộm cắp xe mô tô ngày 25/10/2018, C đã tự khai báo về các hành vi phạm tội trước đó vào các ngày 15/8/2018; 26/9/2018 và 22/10/2018 thực hiện hành vi trộm cắp cùng Đồng Văn P.

Ngày 27/10/2018, P đã đến Công an huyện Kim Thành đầu thú về hành vi trộm cắp cùng C ngày 22/10/2018.

Ngày 27/10/2018 anh H1 giao xe và giấy tờ cho Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Kim Thành.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐG ngày 27/10/2018 của Hội đồng định giá huyện Kim Thành đã kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 34 N3-2123 trị giá 8.000.000 đồng.

Cáo trạng số 04/CT-VKSKT ngày 18/02/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố Vũ Thành C và Đồng Văn P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận như quá trình điều tra và xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố Vũ Thành C và Đồng Văn P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Những bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt nhưng đều có đơn đã nhận được tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Thành C và Đồng Văn P về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Thành C; xử phạt bị cáo C từ 23 đến 29 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 25/10/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P. Xử phạt bị cáo P từ 9 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 27/10/2018.

Về trách nhiệm dân sự : Không phải giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 vam chữ T bằng kim loại màu trắng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo và các chứng cứ xác định tội:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/8/2018 đến ngày 25/10/2018, Vũ Thành C đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu và người quản lý tài sản thực hiện 04 hành vi trộm cắp trên địa bàn huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; trong đó có 01 hành vi thực hiện cùng Đồng Văn P. Cụ thể như sau:

Ngày 15/8/2018, C trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Wavers, biển số 34N9-6141 của chị Tiêu Thị T trị giá 5.000.000. Sau đó, C đem xe đến vay anh Q 2.000.000 đồng và để lại xe làm tin. C sợ phát hiện đã đem tiền đến trả anh Q và lấy xe về tự trả cho chị T.

Ngày 26/9/2018, sau khi chơi điện tử tại quán Internet ở khu Đ– thị trấn P– huyện K, C đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị L xe Honda loại Wave RSX biển số 99E1-086.70 trị giá 6.900.000 đồng. Sợ có người phát hiện ra hành vi của mình, C đã đến nhờ ông L đem trả xe cho chị L.

Ngày 22/10/2018, C cùng Đồng Văn P trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 34N3-2123 của anh Phạm Văn L ở thôn T – xã K trị giá 8.000.000 đồng. C và P đem xe trộm cắp được đến Hải Phòng để tiêu thụ.Tại đây, P đã mượn anh H1 5.000.000 đồng và để lại chiếc xe trộm cắp của anh L để làm tin.

Ngày 25/10/2018, C tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp của Nguyễn Văn T ở thôn P – xã K – huyện K 01 xe nhãn hiệu Yamaha loại xe Exciter biển số 34B1-981.55 trị giá 17.000.000 đồng, sau đó trên đường tẩu thoát đã bị anh T cùng người dân bắt giữ.

Tổng giá trị tài sản bị cáo C chiếm đoạt là 36.900.000 đồng; trị giá tài sản bị cáo P chiếm đoạt là 8.000.000 đồng.

Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 22/10/2018, bị cáo C và P đều có mục đích "*Đi lang thang xem ai sơ hở thì lấy trộm tài sản*" nên các bị cáo đã đồng phạm phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Với tổng giá trị tài sản C chiếm đoạt là 36.900.000 đồng, P chiếm đoạt là 8.000.000 đồng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự "Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm". Tuy nhiên đối với hành vi trộm cắp tài sản ngày 22/10/2018 có tính chất đồng phạm, trong đó C là người chủ mưu, rủ P đi trộm cắp tài sản và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò chính, P với vai trò là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực, trực tiếp đem xe máy trộm cắp được đi tiêu thụ, cùng nhau hưởng lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên bị cáo P giữ vai trò thứ hai.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của anh T, anh L, chị L, chị T mà còn gây mất trật tự trị an trong khu vực, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị pháp luật cấm nhưng do ham chơi, không chịu lao động chân chính, nên đã cố ý phạm tội. Đối với các hành vi trộm cắp ngày 15/8, 26/9 và 25/10/2018 C là người tự mình thực hiện hành vi trên cơ sở lợi dụng sự chủ quan sơ hở của chủ sở hữu, quản lý tài sản; đối với hành vi ngày 22/10/2018 các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp có sự bàn bạc, thống nhất từ trước. Vì vậy, Cáo trạng số 04/CT-VKSKT ngày 18/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương và lời buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tại phiên tòa, đã truy tố các bị cáo Vũ Thành C và Đồng Văn P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự "*Người phạm tội thành khẩn khai báo*".

Đối với bị cáo C sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đem xe trả lại cho bị hại là chị Tiêu Thị T và chị Nguyễn Thị L; ngày 25/10/2018 bị bắt quả tang khi thực hiện hành vi trộm cắp xe của anh Nguyễn Văn T đã tự khai nhận các hành vi trộm cắp tài sản ngày 15/8/2018, 26/9/2018 và cùng P trộm cắp ngày 22/10/2018 tại huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự *" Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả" và "Người phạm tội tự thú"*.

Đối với bị cáo P lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và nhận thức được hành vi vi phạm của mình, đến ngày 27/10/2018 đã đến Công an huyện Kim Thành đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C thực hiện 4 hành vi trộm cắp tài sản vào các ngày 15/8, 26/9, 22/10 và 25/10/2018 thuộc trường hợp "*Phạm tội 02 lần trở lên*", nên bị cáo C phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo P không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền sung quỹ Nhà nước, song xét hoàn cảnh các bị cáo không có tài sản, không có việc làm và thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T, anh Phạm Văn L, chị Tiêu Thị T và chị Nguyễn Thị L là những bị hại đã nhận được tài sản và đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo P vay của anh H1, sau đó gia đình bị cáo đã trả lại anh H1 số tiền trên. Anh H1 cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo C vay của anh Q, bị cáo đã trả anh Q, anh Q cũng không có yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

- Đối với chiếc xe mô tô Exciter biển số 34B1-981.55 là xe của anh Trần Văn Lý là em vợ anh T hiện đang đi xuất khẩu lao động đã giao cho anh T quản lý, sử dụng; xe mô tô nhãn hiệu Wavers, biển số 34N9-6141 xe của chị Tiêu Thị T và xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave RSX biển số 99E1-086.70 của chị Nguyễn Thị L; xe mô tô biển số 34 N3-2123 của anh Phạm Văn L là tài sản thuộc quyền quản lý, sở hữu của anh T, chị T, chị L, anh L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kim Thành đã trả lại cho anh Nguyễn Văn T, chị T, chị L và anh L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Đối với chiếc vam phá khóa bằng kim loại là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo bị tuyên bố phạm tội, nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự.

* Trong vụ án này, đối với anh Trần Văn Quyết và Bùi Xuân H1 khi C và P vay tiền đã để lại xe mô tô đã trộm cắp được làm tin, anh Q, anh H1 đều không biết đó là xe do phạm tội mà có; anh Trần Như H khi cho C mượn xe mô tô không biết mục đích C sử dụng phạm tội nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với anh Q, anh H1 và anh Hải là phù hợp.

Theo lời khai của C: Ngày 26/9/2018, C cùng Nguyễn Duy N cùng thực hiện hành vi trộm cắp xe của chị Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, chưa có đủ căn cứ để xác định Ninh đồng phạm với C về hành vi trộm cắp xe của chị L. Mặt khác, anh N hiện vắng mặt tại địa phương. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Kim Thành tiếp tục xác minh, khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Thành C và Đồng Văn P đồng phạm phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C;

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo P.

3. Về hình phạt:

- Hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Vũ Thành C 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 25/10/2018.

Xử phạt bị cáo Đồng Văn P 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 27/10/2018.

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) vam chữ T bằng kim loại màu trắng kích thước 18x6cm.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Vũ Thành C và Đồng Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo; vắng mặt những bị hại, người có quyền lợi liên quan. Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện kim Thành;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Trại tạm giam – Công an tp.Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Các bị cáo; bị hại; người có QLLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung